

Bản án số: 20/2023/DS-ST

Ngày: 25/5/2023

V/v: Tranh chấp hợp
đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
2. Ông Phạm Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Trà My - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2018/TLST - DS ngày 07 tháng 8 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023; Quyết định thay thế thành viên những người tiến hành tố tụng số: 50/QĐ-TA ngày 15/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - CT HĐQT

Đại diện theo ủy quyền:

- Ông Phạm Tuấn A – Phó giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý;

- Ông Lê Ngọc V - Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Tầng B, trung tâm thương mại P, số 27-29 đại lộ L, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

(Theo văn bản ủy quyền số: 25/2020/QĐ-HĐQT ngày 07/7/2020 và số 030504/2023/UQ-LCC-KHCNNB1 ngày 05/4/2023).

Bị đơn: Ông Phạm Văn L – Sinh năm 1982 và Bà Nguyễn Thị T – Sinh năm 1985.

Địa chỉ: SN ĐC, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn T – Sinh năm 1946.

Địa chỉ: SN ĐC, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Ông Lê Hồng T – Sinh năm 1971

Địa chỉ: SN HĐ, ngõ V, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt có mặt đại diện hợp pháp của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T; vắng mặt ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thụ T và ông Lê Hồng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày :

Do có nhu cầu vay vốn, ông Phạm Văn L và vợ là bà Nguyễn Thị T đã đến Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng) vay vốn theo hợp các đồng tín dụng với nội dung như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 1324752 ngày 7/6/2014:

- + Số tiền vay: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn)
- + Thời hạn vay: 60 tháng (sáu mươi tháng) tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, có khế ước nhận nợ kèm theo.
- + Mục đích vay vốn: vay tiêu dùng mua sắm vận dụng gia đình.
- + Kỳ trả nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho bên Ngân Hàng theo định kỳ 01 tháng/ lần vào ngày 5, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 5/7/2014.
- + Kỳ trả lãi vay: Bên vay trả nợ lãi cho bên ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/ lần vào ngày 5 hàng tháng. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 5/7/2014.
- + Lãi suất cho vay: tại thời điểm giải ngân: 14,0%/ năm. Mức lãi suất này được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ lần, theo mức điều chỉnh lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất, trả lãi sau của bên Ngân Hàng áp dụng tại thời điểm chỉnh cộng (+) biên độ 7.6%/ năm.
- + Phương thức giải ngân: chuyển khoản.
- + Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cho vay trong hạn vẫn được điều chỉnh theo 150% lãi suất cho vay trong hạn sau khi đã điều chỉnh định kỳ.

- Hợp đồng tín dụng kiêm kế ước nhận nợ số 3931256 ngày 10/7/2015:

- + Số tiền vay: 99.000.000 đồng (Bằng chữ: chín chín triệu đồng chẵn).
- + Thời hạn vay: 36 tháng (ba sáu tháng) tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, có khế ước nhận nợ kèm theo.
- + Mục đích vay vốn: vay tiêu dùng mua sắm gia đình .
- + Kỳ trả nợ gốc và lãi: Bên vay phải trả nợ gốc và lãi cho cho VPBank theo đúng kỳ hạn, theo niên kim đầu.
- + Lãi suất cho vay: tại thời điểm giải ngân 20%/ năm. Mức lãi suất này cố định, không thay đổi trong suốt thời hạn vay.
- + Phương thức giải ngân: chuyển khoản.
- + Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cho vay trong hạn vẫn được điều chỉnh theo 150% lãi suất cho vay trong hạn sau khi đã điều chỉnh định kỳ.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, văn bản tín dụng nêu trên, ông Phạm Văn Thanh và bà Lê Thị Lan đã thế chấp tài sản gồm:

Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 3, có tọa địa chỉ: số 05/174 Đội Cung, phường Trường Thi, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG4866316 do UBND TP Thanh Hóa cấp ngày 15/8/2011 cho ông Phạm Văn Thanh và bà Lê Thị Lan; Theo Hợp đồng thế chấp số 1205056/HĐTC ngày 21/5/2012.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng: Ông Phạm Văn Lâm, bà Nguyễn Thị Thu đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng đã thông báo cho ông Lâm, bà Thu về nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên ông Lâm, bà Thu vẫn không thực hiện theo đúng cam kết với ngân hàng, nên khoản vay ông Lâm, bà Thu đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 5/10/2015.

Số tiền đã thanh toán theo hợp đồng tín dụng số 1324752 ngày 7/6/2014 là: nợ gốc 124.950.000 đồng; trả lãi: 80.288.908 đồng. Tổng gốc, lãi đã thanh toán: 205.238.908 đồng.

Số tiền đã thanh toán theo hợp đồng tín dụng số 3931256 ngày 10/7/2015 là: nợ gốc 4.016.713 đồng; trả lãi: 3.375.707 đồng. Tổng gốc, lãi đã thanh toán: 7.392.420 đồng.

Tổng số tiền ông Lâm, bà Thu đã thanh toán tại hai hợp đồng là: 212.631.328 đồng (Trong đó gốc: 128.966.713 đồng; nợ lãi: 83.664.615 đồng)

Tính đến ngày 25/5/2023, ông Phạm Văn Lâm và Bà Nguyễn Thị Thu còn nợ ngân hàng tổng số tiền là: **1.322.362.059 đồng**. Trong đó nợ gốc: 470.033.287 đồng; Nợ lãi trong hạn: 6.350.312 đồng; Nợ quá hạn: 845.978.460 đồng. Cụ thể tại hợp đồng tín dụng số 1324752 ông Lâm, bà Thu còn nợ là: 1.005.355.339 đồng (Trong đó gốc: 375.050.00 đồng; nợ lãi trong hạn: 4.767.257 đồng; nợ lãi quá hạn: 625.538.081 đồng); Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 3931256 ông Lâm, bà Thu còn nợ là: 317.006.720 đồng (Trong đó gốc: 94.983.287 đồng; nợ lãi trong hạn: 1.583.005 đồng; nợ lãi quá hạn: 220.440.379 đồng).

Nay ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Phạm Văn Lâm và bà Nguyễn Thị Thu phải thanh toán hết số nợ cho ngân hàng tính đến ngày 25/5/2023 là: **1,322,362,059 đồng** và toàn bộ lãi suất phát sinh kể từ ngày 26/5/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1324752 ngày 7/6/2014, Hợp đồng tín dụng số 3931256 ngày 10/7/2015.

Nếu ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị T không trả đúng và đủ số tiền nêu trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 3, tại địa chỉ: số 05/174 Đội Cung, phường Trường Thi, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG4866316 do UBND TP Thanh Hóa cấp ngày 15/8/2011 cho ông Phạm Văn Thanh và bà Lê Thị Lan; Hợp đồng thế chấp số 1205056/HĐTC ngày 21/5/2012 để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Tại đơn khởi kiện ngân hàng còn đề nghị Tòa án buộc ông Phạm Văn Lâm, bà Nguyễn Thị Thu phải thanh toán khoản lãi phạt chậm trả lãi số tiền là: 129.610.542 đồng. Tuy nhiên ngày 14/8/2018 ngân hàng đã có đơn xin rút một phần

yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền này và tại phiên tòa Ngân hàng vẫn giữ nguyên quan điểm xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản lãi phạt chậm trả lãi số tiền là: 129.610.542 đồng mà chỉ yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn.

- Tại bản tự khai ngày 18/10/2018 bị đơn ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 7/6/2014 vợ chồng ông, bà ký hợp đồng tín dụng 1324752 với ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với số tiền vay 500.000.000 (năm trăm triệu đồng chẵn) để sử dụng kinh doanh vật liệu xây dựng (nhưng trong hợp đồng vay tín dụng này lại ghi là vay tiền dùng mua sắm vật dụng gia đình là không đúng). Thời hạn vay là 60 tháng trả góp hàng tháng cho ngân hàng từ ngày 5/7/2014 với số tiền gốc và lãi suất là 14.300.000 đồng (mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng chẵn), ông bà đã thanh toán cho ngân hàng 19 tháng gồm gốc: 124.950.000 (một trăm hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) và tiền lãi là 80.288.908 (tám mươi triệu hai trăm tám tám nghìn chín trăm lẻ tám đồng) tính đến ngày 9/5/2015.

Để được vay số tiền trên ông đã dùng tài sản của ông Thanh, bà Lan để thế chấp ngân hàng. Cụ thể ông Phạm Văn Thanh (bố) và bà Lê Thị Lan (mẹ) đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 120505/HĐTC ngày 21/5/2012 và phụ lục hợp đồng số 01/06/2014 với ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để vợ chồng ông vay tiền.

Ngày 10/07/2015 ông có vay tín chấp số tiền 99.000.000 (chín chín triệu đồng chẵn) hợp đồng số 3931356 là hợp đồng khế ước nên tôi thấy không chính xác nên nhờ phía ngân hàng thẩm tra lại. Ông có nhận số tiền trên tổng hai lần là: 599.000.000 (năm trăm chín chín triệu đồng chẵn) và đã nhận đầy đủ số tiền trên.

Đối với khoản vay tín chấp số tiền 99.000.000 (chín chín triệu đồng chẵn) ông mới trả được cho ngân hàng tính đến ngày 09/05/2015 với số tiền gốc là: 4.016.713 đồng và tiền gốc là 3.375.707 đồng (lãi trong hạn).

Tổng hai hợp đồng tín dụng trên ông đã trả được:

- + Tiền gốc: 128.966.713 đồng
- + Tiền lãi: 83.664.615 đồng
- + Tổng cộng: 212.631.328 đồng

Tính đến ngày 13/8/2018 vợ chồng ông còn nợ ngân hàng là 792.295.072 đồng (trong đó nợ gốc: 470.033.287 đồng; lãi trong hạn: 6.350.312 đồng; lãi quá hạn: 315.911.473 đồng).

Vì hoàn cảnh khó khăn làm ăn thua lỗ, bố mẹ già yếu nên ông mong phía tòa án hòa giải và đề nghị ngân hàng xem xét để ông được thanh toán số tiền nợ gốc còn lại và xin ngân hàng miễn khoản tiền lãi cho ông, bà.

- Tại biên bản lấy khai ngày 01/03/2023, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T trình bày:

Ông và bà Lê Thị L kết hôn với nhau vào năm 1981. Trước khi kết hôn với nhau ông và bà Nguyễn Thị Lan đều có gia đình, bà Lan chồng là liệt sỹ, còn ông đã ly hôn với vợ cả. Trong quá trình chung sống ông và bà Lan có một người con chung là cháu Phạm Văn Lâm – sinh 1982. Hiện tại anh Lâm đã có vợ là Nguyễn Thị Thu và hai con là Phạm Giáng My – sinh 2012; Phạm Nguyễn Đình Anh – sinh 2016.

Vợ ông bà Lê Thị Lan đã mất vào năm 2018 do đó vợ chồng con cái cháu Lâm đã dọn về ở chung với ông tại số nhà 05/147 Đội Cung, phường Trường Thi, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Trước khi lấy ông, bà Lan có một đời chồng và một con con riêng là Lê Hồng Tâm – sinh 1973 ở tại xóm Tân Lập, phường Trường Thi, TP. Thanh Hóa.

Ngày 7/6/2014 vợ chồng anh Lâm, chị Thu có ký kết hợp đồng tín dụng để vay số tiền 500.000.000 đồng và ngày 10/7/2015 anh Lâm ký hợp đồng vay 99.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay ông và bà Lan đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 3, có tọa địa chỉ: số 05/174 Đội Cung, phường Trường Thi, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG4866316 do UBND TP Thanh Hóa cấp ngày 15/8/2011 mang tên Phạm Văn Thanh và bà Lê Thị Lan. Do anh Lâm, chị Thu làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả nợ cho ngân hàng và nếu anh Lâm, chị Thu không trả được nợ ông xin được trả thay. Tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân ông là thương binh, tuổi cao, sức yếu lại nhiều bệnh tật, bà Lan do buồn phiền mà lâm bệnh nên đã chết, nên ông đề nghị ngân hàng miễn toàn bộ số nợ lãi, còn số nợ gốc ông sẽ thanh toán hết cho ngân hàng.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/3/2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng T trình bày: Bố ông là Lê Văn Đ (hy sinh năm 1972) và mẹ là bà Lê Thị L sinh hạ được chỉ có một mình ông. Do bố ông hy sinh nên năm 1981 bà Lan đã kết hôn với ông Phạm Văn Thanh, đến năm năm 1982 ông Thanh, bà Lan sinh được một em là Phạm Văn Lâm. Sau khi bà Lan kết hôn với ông Thanh ông vẫn ở nhà ông bà nội sau đó lấy vợ và ra ở riêng không có ngày nào sống chung với ông Thanh, bà Lan. Hiện nay bà Lan đã chết năm 2018, đối với ông bà ngoại (bố, mẹ bà Lan) đã chết từ lâu không còn ai.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lâm, bà Thu trả nợ quan điểm của ông đề nghị ngân hàng xem xét miễn giảm khoản tiền lãi vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, ông Thanh là thương binh, tuổi cao sức yếu lại nhiều bệnh tật, vợ chồng Lâm, Thu làm ăn thua lỗ.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Phạm Văn Lâm, bà Nguyễn Thị Thu thanh toán hết khoản tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản lãi phạt chậm trả lãi số tiền là 129.610.542 đồng. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Thanh đề nghị Ngân hàng xem xét miễn một phần tiền lãi, ông xin trả hết số nợ gốc và một phần tiền nợ lãi tổng cộng khoảng 520.000.000 đồng để ông giữ lại ngôi nhà sống nốt quãng đời còn lại. Trường hợp ngân hàng không đồng ý, ông xin được ở lại ngôi nhà, sau khi ông chết ngân hàng có xử lý tài sản như thế nào là quyền của ngân hàng.

Đối với ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng Tâm có đơn xin vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Thanh đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227

BLTTDS để xét xử. Về nội dung yêu cầu khởi kiện đề nghị HĐXX căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng tín dụng số 1324752 ngày 7/6/2014 và hợp đồng tín dụng số 3931256 ngày 10/7/2015 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hộ khẩu thường trú của bị đơn và tài sản bảo đảm tại thành phố Thanh Hóa. Mục đích vay vốn của ông Lâm, bà Thu là vay tiêu dùng mua sắm vận dụng gia đình, do đó khi xảy ra tranh chấp xác định đây là quan hệ tranh chấp về dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại Điều 26, Điều 35 của BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và ông Phạm Văn Lâm cùng vợ là bà Nguyễn Thị Thu đã ký kết 01 hợp đồng tín dụng, theo đó ngân hàng đã giải ngân cho ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị T vay số tiền 500.000.000đ. Ngoài ra ngày 10/7/2015 ông Lâm còn ký 01 hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ với số tiền vay là 99.000.000 đồng. Như vậy ngân hàng đã giải ngân cho ông Lâm, bà Thu vay tổng số tiền là 599.000.000 đồng, ông Lâm, bà Thu đã nhận đủ số tiền tại 02 khế ước nhận nợ. Các bên ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bản thân ông L thừa nhận đã nhận đủ số tiền vay.

Theo đó hợp đồng tín dụng số 1324752 ngày 7/6/2014 các bên thỏa thuận thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày được giải ngân, phương thức thanh toán được chia thành 60 kỳ, bên vay trả nợ gốc, lãi cho Ngân Hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05, mỗi kỳ trả số tiền gốc là 8.330.000đ, riêng kỳ cuối trả hết số nợ gốc còn lại. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L, bà T đã thanh toán cho ngân hàng số nợ gốc là: 124.950.000 đồng; trả lãi: 80.288.908 đồng. Tổng gốc, lãi đã thanh toán: 205.238.908 đồng và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ.

Đối với hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 3931256 ngày 10/7/2015 các bên thỏa thuận thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày được giải ngân, phương thức thanh toán được chia thành 36 kỳ, bên vay trả nợ gốc, lãi cho Ngân Hàng theo lịch trả nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lâm, bà Thu đã thanh toán cho ngân hàng số nợ gốc là: nợ gốc 4.016.713 đồng; trả lãi: 3.375.707 đồng. Tổng gốc, lãi đã thanh toán: 7.392.420 đồng và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ.

Việc ông L, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng đã đôn đốc nhưng ông L, bà T vẫn không thể thanh toán được nợ cho Ngân hàng, nên kể từ ngày 05/10/2015 khoản nợ của ông Lâm, bà Thu đã chuyển sang nợ quá hạn. Sau khi

ngân hàng khởi kiện, ông Lâm, bà Thu đã đến Tòa án làm việc, thừa nhận vợ chồng còn nợ ngân hàng và đề nghị ngân hàng xem xét miễn khoản nợ lãi để trả hết số nợ gốc cho ngân hàng, nhưng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

Như vậy ông Lâm, bà Thu đã vi phạm khoản 1, 2 Điều 4 HĐTD số 1324752 ngày 7/6/2014 và khế ước nhận nợ; vi phạm khoản 1, 2 Điều 5 hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 3931256 ngày 10/7/2015 về thời hạn và phương thức trả nợ mà hai bên đã cam kết. Việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lâm, bà Thu thanh toán toàn bộ số nợ tính đến ngày 25/5/2023 với tổng số tiền là: **1,322,362,059 đồng**. Trong đó nợ gốc: 470,033,287 đồng; Nợ lãi trong hạn: 6,350,312 đồng; Nợ quá hạn: 845,978,460 đồng. Cụ thể tại hợp đồng tín dụng số 1324752 ông Lâm, bà Thu còn nợ là: 1.005.355.339 đồng(Trong đó gốc: 375.050.00 đồng; nợ lãi trong hạn: 4.767.257 đồng; nợ lãi quá hạn: 625.538.081 đồng); Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 3931256 ông Lâm còn nợ là: 317.006.720 đồng(Trong đó gốc: 94.983.287 đồng; nợ lãi trong hạn: 1.583.005 đồng; nợ lãi quá hạn: 220.440.379 đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, căn cứ vào Điều 463; 466 Bộ luật dân sự; Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

[3] Xét đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Khi khởi kiện ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Phạm Văn Lâm, bà Nguyễn Thị Thu phải thanh toán cho ngân hàng khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi. Tuy nhiên quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ lãi phạt chậm trả lãi số tiền là 129.610.542 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, căn cứ Điều 244 BLTTDS đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Đối với hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, ngày 21/5/2012 giữa ngân hàng, ông Phạm Văn Thanh cùng vợ là bà Lê Thị Lan và ông Phạm Văn Lâm và vợ là bà Nguyễn Thị Thu đã ký hợp đồng thế chấp số 1205056/HĐTC. Theo đó ông Phạm Văn Thanh và bà Lê Thị Lan đã dùng tài sản của mình là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: số 05/174 Đội Cung, phường Trường Thi, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG4866316 do UBND TP Thanh Hóa cấp ngày 15/8/2011 cho ông Phạm Văn Thanh và bà Lê Thị Lan để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Việc thế chấp tài sản các bên ký kết đã hiểu rõ nghĩa vụ, trên cơ sở tự nguyện và được công chứng tại văn phòng công chứng theo đúng trình tự thủ tục pháp luật, được đăng ký giao dịch giao dịch bảo đảm tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất. Theo Điều 1, Điều 2 về nghĩa vụ được bảo đảm được cam kết trong HĐTC các bên thỏa thuận: Nghĩa vụ được bảo đảm: “Bao gồm nghĩa vụ trả nợ, lãi, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp và các khoản phí, chi phí khác...”. Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ của ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 19.610.000 đồng đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên lai tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0005421 ngày 03/8/2018.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Khoản 1 Điều 227; Điều 244; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; Điều 463; Điều 466 BLDS năm 2015. Điều 6; khoản 2 Điều 26; điểm d tiểu mục 1.3 mục 1 phần I Mục A Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.

- Buộc ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V khoản tiền vay còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1324752 ngày 7/6/2014 và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 3931256 ngày 10/7/2015, số tiền tính đến ngày 25/5/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là: **1.322.362.059 đồng** (trong đó nợ gốc: 470.033.287 đồng; Nợ lãi trong hạn: 6.350.312 đồng; Nợ quá hạn: 845.978.460 đồng).

Kể từ ngày 26/5/2023, ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản nợ lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 1324752 ngày 7/6/2014; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 3931256 ngày 10/7/2015 mà hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên, bên được thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: số 05/174 Đội Cung, phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG4866316 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 15/8/2011 mang tên ông Phạm Văn Thanh và bà Lê Thị Lan; hợp đồng thế chấp số 1205056/HĐTC ngày 12/5/2012 để đảm bảo việc thu hồi nợ.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ lãi phạt chậm trả lãi số tiền là 129.610.542 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu.

Về án phí: Ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm là: 51.070.860 đồng.

Trả lại cho ngân hàng thương mại cổ phần V toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 19.610.000 đồng đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên lai tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0005421 ngày 03/8/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Các bên đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTPTH;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa ;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADSTPTH;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Hào

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Hội thẩm nhân dân**

**TM.H
THẨM**

Nguyễn Thị Thanh Thủy Phạm Văn Tiến